

Bản án số: 21/2016/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2016

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Tuấn H- ởng, cán bộ h- u ph- ờng Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

2. Bà Hà Thị Dung, cán bộ h- u ph- ờng Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Huệ - Cán bộ Toà án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Lý Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2016 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2016/TLST- HNGĐ ngày 01/02/2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/ 2016/ QĐXX -ST ngày 07/4/2016 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1964.

ĐKHKT: tổ 7, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Nơi ở : Tổ 2, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1976.

ĐKHKT: tổ G, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Hiện đang ở tại: Tổ D, phường T, thành phố T.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Đ, Thái

Nguyên. Trong 15 năm chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm trong việc làm kinh tế và nuôi dạy các con, chị Vân Anh coi thường gia đình nhà chồng, không quan tâm đến ngày giỗ của bố mẹ anh, không quan tâm đến anh khi anh bị tai nạn, coi thường sức lao động của anh mặc dù anh là người lao động chính trong gia đình vì chị Vân A không đi làm, không có thu nhập gì chỉ ở nhà làm công việc nội trợ. Trước kia vợ chồng anh sinh sống và đang ký hộ khẩu thường trú tại tổ G, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, năm 2014 anh và con trai lớn chuyển ra tổ 2, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên ở tại nhà của bố mẹ anh cùng với vợ chồng em trai anh, sau đó chị Vân Anh và con thứ 2 chuyển ra ở cùng anh tại tổ 2, phường Túc Duyên. Tháng 10/2015 vợ chồng anh thuê nhà và đăng ký tạm trú tại tổ 4, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên nhưng do vợ chồng sống ly thân nhau nên anh vẫn ở tổ 2, phường Túc D.

Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Gia P sinh ngày 03/8/2001 và Nguyễn Hà T1 sinh ngày 19/6/2009 khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con, vì anh có điều kiện để chăm sóc, giáo dục cho các con hơn, anh không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung anh xác định có 01 ngôi nhà cấp 4 và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình tại tổ G, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại bản tự khai anh Thái xác định có nợ anh trai của anh 200.000.000đ để làm nhà nhưng tại phiên tòa, anh Thái trình bày anh đã giải quyết nợ với anh trai của anh xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị Vân A trình bày: chị kết hôn với anh Nguyễn Minh T năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và có được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hiện hai vợ chồng đang sống ly thân nhau không quan tâm đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T làm đơn xin ly hôn chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Gia P sinh ngày 03/8/2001 và Nguyễn Hà T1 sinh ngày 19/6/2009, nếu anh T cương quyết ly hôn tôi chấp nhận theo nguyện vọng của anh T.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai không ai nợ vợ chồng chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử như sau: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 58, 59 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm Điều 58, 60 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về toàn bộ nội dung của vụ án nhưng chị Vân Anh không tham gia hòa giải vì vậy tòa án xét xử công khai ngày hôm nay.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền: anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Vân A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ G, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Năm 2014 anh T đã chuyển ra sinh sống tại tổ B, phường T, thành phố T, Trong đơn khởi kiện anh T2 khai địa chỉ của chị Vân Anh là ở tổ 2, phường Túc Duyên, tại biên bản lấy lời khai chị Vân Anh cũng khai địa chỉ ở tổ 2, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên như tại phiên tòa, anh T2 khai từ khi vợ chồng sống ly thân nhau chị Vân Anh thuê nhà và đăng ký tạm trú tại tổ 4, phường Túc Duyên (anh Thái xuất trình kèm theo đơn có xác nhận của công an phường Túc D). Như vậy có đủ căn cứ để xác định nơi cư trú của chị Vân Anh là ở tổ 4, phường T, thành phố T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Vân A đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Vân A theo quy định tại khoản 2, Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Đ, Thái Nguyên nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã

nhau, bất đồng quan điểm trong việc làm kinh tế và nuôi dạy các con, coi thường và không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn để giải phóng cho nhau, chị Vân A nhất trí vì chị xác định vợ chồng không còn tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn của anh T và chị Vân A đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đương sự đã thực sự tan vỡ, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 1/2016 đến nay không ai còn quan tâm đến ai, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T, cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Vân A, như vậy là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Gia P sinh ngày 03/8/2001 và Nguyễn Hà T1 sinh ngày 19/6/2009.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Như vậy, Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con. Phía chị Vân A nhất trí với yêu cầu của anh T về phần con chung. Cháu P 15 tuổi và cháu T1 7 tuổi hiện có nguyện vọng được ở với bố. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Gia P sinh ngày 03/8/2001 và Nguyễn Hà T1 sinh ngày 19/6/2009 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Vân A có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T xác định có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình tại tổ G, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và nợ chung có nợ anh trai của anh 200.000.000đ để làm nhà nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh T2 khai đã giải quyết việc vay nợ với anh trai xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh T khai có tài sản chung là nhà, đất nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung đã giải quyết xong, phía chị Vân A cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết phần tài sản chung và nợ chung của anh T và chị Vân A, nếu có tranh chấp và có yêu cầu giải quyết, Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: căn cứ Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án anh T phải nộp 200.000đ án phí LHST vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 27,33,35, 131, khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51,56,81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 2,6,7,9,30 Luật Thi hành án dân sự; pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh T.

Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Vân A.

Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Gia P sinh ngày 03/8/2001 và Nguyễn Hà T1 sinh ngày 19/6/2009 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Vân A có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004092 ngày 01/02/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu yêu cầu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Vân A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

NOI NHẬN

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP
- UBND thị trấn Chợ Chu,
huyện Định Hóa, tỉnh TN.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TRẦN THỊ THU HÀ

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN
Tỉnh Thái Nguyên**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 5 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hà Thị Dung

2/ Ông Trần Tuấn H- ởng.

Căn cứ vào Điều 210 và Điều 236 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vào hồi 10 giờ, ngày 18 tháng 5 năm 2016, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Thái.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Vân Anh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết nhất trí 3/3 những vấn đề phải giải quyết trong vụ án nh sau:

1. Về áp dụng điều luật: Áp dụng điều 27,33,35, 131, khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51,56,81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 2,6,7,9,30 Luật Thi hành án dân sự; pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, Nghị

quyết số 01/2012/NQ- HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh T.

-Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Vân A.

-Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Gia P sinh ngày 03/8/2001 và Nguyễn Hà T1 sinh ngày 19/6/2009 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Vân A có quyền đi lại thăm nom con chung.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Anh T phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004092 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** các đương có quyền kháng cáo theo Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN

Trần Thị Thu H1

